

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
						(Cột 4x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục					$A=A1+A2+...$
I.1	Hạng mục 1					A1
1	...					
2	...					
I.2	Hạng mục 2					A2
1	...					
2	...					
I.3	...					...
1	...					
2	...					
II	Chi phí dự phòng					B=B1+Y1+Y2
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá ^(*)		b1(%)			$B1 = b1(\%) \times A$
2	Chi phí công nhật					Y1
3	Chi phí cho các khoản tạm tính khác					Y2

Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	<i>A+B</i>
---	-------------------

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Bên mời thầu ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Bên mời thầu ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(*) Trong HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá (b1) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh, dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSMT (b1) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

(6) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

Nguồn: Thông tư 15/2022-TT-BKHĐT